

Bản án số: 01/2026/HS-ST
Ngày 05-01-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - LẠNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Văn Nghiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nông Ngọc Lâm.

Ông Ma Thanh Trọng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lành Thị Thanh Nụ – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Lạng Sơn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Kỳ Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 96/2025/TLST-HS ngày 20 tháng 11 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2025/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 12 năm 2025, đối với:

- **Các bị cáo:**

1. Phương Văn N (tên gọi khác: Không), sinh ngày 17 tháng 02 năm 1989 tại tỉnh Lạng Sơn; căn cước số: 020089004697, cấp ngày 28-11-2024, nơi cấp: Bộ C5; nơi cư trú: Thôn B, xã T, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đinh Mạnh T (đã chết) và bà Phương Thị H; vợ: Đặng Thị T1; con: Có 02 con; tiền án: 01 - Tại bản án số 16/2023/HS-ST ngày 28-4-2023 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; tiền sự: Không có; nhân thân: Tại bản án số 12/2009/HSST ngày 24-6-2009 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (đã được xoá); bị tạm giữ từ ngày 19-3-2025, bị tạm giam từ ngày 22-3-2025 đến nay; có mặt.

2. Nông Đức D (tên gọi khác: Không), sinh ngày 18 tháng 12 năm 1994 tại tỉnh Lạng Sơn; căn cước công dân số: 020094011137, cấp ngày 17-01-2022, nơi cấp: Cục C6 - Bộ C5; nơi đăng ký thường trú: K, phường T, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: Số A, đường P, phường K, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nông Phương L và bà Hoàng Hồng C; vợ, con: Chưa

có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ từ ngày 14-3-2025, bị tạm giam từ ngày 20-3-2025 đến nay; có mặt.

3. Trần Cao C1 (tên gọi khác: Không), sinh ngày 11 tháng 6 năm 1989 tại tỉnh Lạng Sơn; căn cước công dân số: 020089004761, cấp ngày 10-5-2023, nơi cấp: Cục C6 - Bộ C5; nơi cư trú: Số E, đường T, khối V, phường L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Hữu L1 và bà Triệu Thị Thu A; vợ, con: Chưa có; tiền án: 01 - Tại bản án số 79/2020/HS-ST ngày 09-6-2020 của Toà án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 03 (ba) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”; tiền sự: Không có; nhân thân: Tại bản án số 34/HS-PT ngày 20-6-2006 của Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xử phạt 30 (ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 40 (bốn mươi) tháng về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” (đã được xoá); bị tạm giữ từ ngày 13-3-2025, bị tạm giam từ ngày 19-3-2025 đến nay; có mặt.

4. Ngô Duy D1 (tên gọi khác: Không); sinh ngày 06 tháng 9 năm 1980 tại tỉnh Lạng Sơn; căn cước công dân số: 020080003882, cấp ngày 24-7-2022, nơi cấp: Cục C6 - Bộ C5; nơi cư trú: Khối T, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Ngô Văn C2 và bà Vi Thị Á; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 03132/QĐ-XPVPHC ngày 16-7-2009 của Công an thành phố L, tỉnh Lạng Sơn xử phạt tiền với số tiền phạt là 150.000 đồng về hành vi kinh doanh hàng hoá nhập lậu (đã được xoá); tại quyết định số 1846/QĐ-UBND ngày 02-11-2006 của Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn về việc bắt buộc đối tượng cai nghiện tại Trung tâm giáo dục lao động xã hội tỉnh L, thời hạn 24 (hai mươi tư) tháng, kể từ ngày 03-11-2006 (đã được xoá); tại bản án số 47/2013/HSST ngày 09-4-2013 của Toà án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (đã được xoá); tại bản án số 67/2016/HSST ngày 27-7-2016 của Toà án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 08 (tám) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (đã được xoá); bị tạm giữ từ ngày 13-3-2025, tạm giam từ ngày 19-3-2025 đến nay; có mặt.

5. Lê Đức D2 (tên gọi khác: Không), sinh ngày 25 tháng 6 năm 1979 tại tỉnh Lạng Sơn; căn cước công dân số: 020079009351, cấp ngày 24-6-2021, nơi cấp: Cục C6 - Bộ C5; nơi đăng ký thường trú: Số B, đường P, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: Số B, đường P, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn D3 (đã chết) và bà Chu Thị L2; vợ: Hà Thu H1; con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Tại quyết định xử phạt hành chính số 0098/QĐ-XPHC ngày 02-4-2013 của Công an thành phố L, tỉnh Lạng Sơn phạt tiền 750.000 đồng về hành vi buôn bán, vận chuyển

sản phẩm động vật nhập lậu (đã được xoá); tại quyết định xử phạt hành chính số 000016/QĐ-XPHC ngày 23-5-2016 của Công an tỉnh L phạt tiền 30.000.000 đồng về hành vi kinh doanh hàng hoá nhập lậu (đã được xoá); bị tạm giữ từ ngày 13-3-2025, bị tạm giam từ ngày 19-3-2025 đến nay; có mặt.

6. Nông Văn T2 (tên gọi khác: Không), sinh ngày 27 tháng 01 năm 1978 tại tỉnh Lạng Sơn; căn cước công dân số: 020078008918, nơi cấp: Cục C6 - Bộ C5; nơi cư trú: Khối T, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nông Văn V và bà Nguyễn Thị H2; vợ: Hoàng Thị Q (đã ly hôn); con: Có 01 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Tại bản án số 130/2018/HS-ST ngày 23-8-2018 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (đã được xoá); tại bản án số 39/2020/HS-ST ngày 21-4-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (đã được xoá); bị bắt tạm giam từ ngày 06-6-2025 đến nay; có mặt.

7. Đàm Minh H3 (tên gọi khác: Không), sinh ngày 20 tháng 11 năm 1989 tại tỉnh Lạng Sơn; căn cước công dân số: 020089002052, cấp ngày 25-4-2021, nơi cấp: Cục C6 - Bộ C5; nơi cư trú: Số E, đường V, khối T 02, phường L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đàm Văn T3 (đã chết) và bà Hoàng Thị G (đã chết từ tháng 9 -2025); vợ: Lương Thị L3; con: Có 02 con; tiền án: 01 - Tại bản án số 15/2011/HSPT ngày 25-5-2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xử phạt 04 (bốn) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”; tiền sự: Không có; nhân thân: Tại bản án số 13/2019/HS-ST ngày 22-5-2019 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc” (đã được xoá); bị tạm giữ từ ngày 13-3-2025, bị tạm giam từ ngày 19-3-2025 đến nay; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Chị Đặng Thị T1, sinh năm 1991; căn cước công dân số: 020191005990, cấp ngày 24-6-2021, nơi cấp: Cục C6 - Bộ C5; nơi cư trú: Thôn B, xã T, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Chị Lê Bích V1; vắng mặt.
2. Ông Nông Thanh T4; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 12-3-2025, qua làm việc với Cơ quan Cảnh sát điều tra công an tỉnh L, Trần Cao C1 khai tội ngày 10-3-2025, C1 mua ma túy với Đàm Minh H3 và sử dụng trái phép chất ma túy với Lê Đức D2, Nông Văn T2, Ngô Duy D1,

Phương Văn N, Nông Đức D, Nông Văn T5 tại nhà của Lê Đức D2 ở số B, đường P, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn. Trần Cao C1 tự giác giao nộp 01 (một) lọ nhựa dạng lọ thuốc nhỏ mắt bên trong có chất lỏng màu trắng đục, C1 khai là chất ma túy CBD. Kết luận giám định số 3317/KL-KTHS ngày 29-4-2025 của V2 Bộ C5 kết luận: Tìm thấy chất ma túy MDMA-4en-PINACA trong mẫu chất lỏng màu trắng đục gửi giám định, thể tích mẫu là 3,5mL. Nồng độ chất ma túy MDMA-4en-PINACA trong mẫu gửi giám định là 0,046mg/mL.

Qua điều tra xác định được như sau:

Khoảng 18 giờ, ngày 10-3-2025, tại nhà của Lê Đức D2, có Lê Đức D2, Nông Đức D, Phương Văn N cùng uống rượu, Nguyễn bảo D4 muốn sử dụng ma túy tổng hợp. Du trả lời không biết chỗ mua ma túy. Lúc này Nông Văn T2 đi từ trong phòng ngủ của D4 ra cùng uống rượu và nói “bây giờ chúng mày muốn chơi cái gì” thì N trả lời là “chơi đá, ngựa”. T2 không biết chỗ bán nhưng sẽ đưa đi tìm chỗ để mua ma túy. Sau đó, D điều khiển xe mô tô của T2 chở T2 đi tìm chỗ bán ma túy nhưng không tìm được. T2 gọi điện thoại cho Ngô Duy D1 hỏi mua ma túy. Ngô Duy D1 gọi điện cho Trần Cao C1 hỏi mua ma túy. Trần Cao C1 gọi điện cho Đàm Minh H3 nhờ mua 700.000 đồng ma túy. Đàm Minh H3 nảy sinh ý định mua ma túy rồi bán lại cho C1 để hưởng lợi. Đàm Minh H3 gọi cho Lê Bích V1 qua ứng dụng Zalo hỏi mua 500.000 đồng tiền ma túy, V1 đồng ý bán.

Do không có tiền nên Nông Văn D5 gọi cho bố là ông Nông Phương L để xin tiền với lý do trả tiền quán rượu. Ông Nông Phương L chuyển khoản cho D5 số tiền 500.000 đồng. Phương Văn N chuyển khoản cho Nông Văn D5 số tiền 200.000 đồng. Nông Văn D5 chuyển khoản số tiền 700.000 đồng cho Ngô Duy D1. Ngô Duy D1 chuyển tiếp số tiền 700.000 đồng cho Trần Cao C1. Trần Cao C1 đi đến nhà của Đàm Minh H3 và chuyển khoản cho H3 số tiền 700.000 đồng. Đàm Minh H3 chuyển khoản số tiền 500.000 đồng cho Lê Bích V1 để mua ma túy. Đàm Minh H3 được hưởng lợi bất chính số tiền 200.000 đồng. Lê Bích V1 hẹn Đàm Minh H3 đến đường B để nhận ma túy. Sau khi lấy được ma túy, Đàm Minh H3 đưa gói ma túy cho Trần Cao C1. Trần Cao C1 đưa gói ma túy cho Ngô Duy D1 rồi cả hai cùng đi đến nhà của Lê Đức D2.

Tại nhà của Lê Đức D2: Lê Đức D2, Ngô Duy D1, Trần Cao C1, Nông Đức D, Phương Văn N, Nông Văn T2 và Nông Thanh T4 (em trai của T2). Phương Văn N mang 01 (một) chai nước loại 500ml, lấy nắp chai ra rồi dùng chìa khoá xe đục hai lỗ, gắn vòi hút vào. Trần Cao C1 lấy mảnh giấy bạc bịt vào đầu ống hút ngăn làm coóng đốt ma túy và gấp giấy bạc làm máng đựng ma túy. Giấy bạc do Nông Đức D mua. Ngô Duy D1 mở gói ma túy ra thấy có 03 (ba) viên ma túy ngựa và một ít ma túy đá. Trần Cao C1 đổ ma túy lên coóng giấy bạc và đốt. Trần Cao C1 là người hút trước rồi đến Nông Văn T2, Nông Đức D, Phương Văn N, Ngô Duy D1, Lê Đức D2, Nông T, mỗi người hút khoảng 03 (ba) đến 04 (bốn) hơi thì hết toàn bộ số ma túy. Sau đó, mọi người ra về.

Hành vi bán ma túy của Lê Bích V1 đã bị khởi tố và tách ra để xử lý trong vụ án khác.

Tại bản Cáo trạng số 35/CT-VKS ngày 19-11-2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Lạng Sơn đã truy tố:

Các bị cáo Phương Văn N, Nông Đức D, Trần Cao C1, Lê Đức D2 và Nông Văn T2 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại các điểm b, đ khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2015 (sau viết tắt là Bộ luật Hình sự).

Bị cáo Ngô Duy D1 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Đàm Minh H3 “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Phương Văn N, Nông Đức D, Trần Cao C1, Lê Đức D2, Nông Văn T2 và Ngô Duy D1 phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Bị cáo Đàm Minh H3 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng các điểm b, đ khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; các Điều 17, 38, 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phương Văn N. Xử phạt bị cáo Phương Văn N từ 08 (tám) năm đến 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng các điểm b, đ khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; các Điều 17, 38, 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nông Văn T2. Xử phạt bị cáo Nông Văn T2 từ 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng đến 08 (tám) năm tù.

Áp dụng các điểm b, đ khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Đức D2. Xử phạt bị cáo Lê Đức D2 từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng đến 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù.

Áp dụng các điểm b, đ khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nông Đức D. Xử phạt bị cáo Nông Đức D từ 07 (bảy) năm 04 (bốn) tháng đến 07 (bảy) năm 08 (tám) tháng tù.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Ngô Duy D1. Xử phạt bị cáo Ngô Duy D1 từ 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng đến 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 điều 52; các Điều 38, 50 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đàm Minh H3. Xử phạt bị cáo Đàm Minh H3 từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo, vì các bị cáo không có tài sản.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025 (sau viết tắt là Bộ luật Tố tụng hình sự), đề nghị Hội đồng xét xử:

Tịch thu tiêu huỷ đối với chất ma túy còn lại sau giám định và các vỏ, bao gói.

Tịch thu hoá giá nộp vào ngân sách nhà nước đối với: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng thu giữ của bị cáo Phương Văn N. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xanh thu giữ của bị cáo Nông Đức D. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen thu giữ của bị cáo Trần Cao C1. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu đen thu giữ của bị cáo Ngô Duy D1. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SamSung màu đen thu giữ của bị cáo Nông Văn T2. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu xanh thu giữ của bị cáo Đàm Minh H3.

Trả lại cho bị cáo Lê Đức D2 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SamSung màu đen. Trả lại cho các căn cước công dân cho các bị cáo Phương Văn N, Nông Đức D.

Truy thu số tiền 200.000 đồng do bị cáo Đàm Minh H3 bán ma túy mà có.

Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA JUPITER GP, màu xanh đen, biển kiểm soát 12P1-259.14 đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra trả lại cho chị Đặng Thị T1 là phù hợp với quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận đối với đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Các bị cáo Phương Văn N, Nông Đức D, Trần Cao C1, Lê Đức D2, Nông Văn T2 và Ngô Duy D1 đều thừa nhận Bản Cáo trạng truy tố các bị cáo về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” là đúng tội, không oan, sai. Bị cáo Đàm Minh H3 thừa nhận Bản Cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là đúng tội, không oan, sai. Lời nói sau cùng, các bị cáo đều thể hiện ăn năn, hối hận về việc làm của bản thân, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Chị Đặng Thị T1 không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, người làm chứng Lê Bích V1 vắng mặt. Tuy nhiên, người làm chứng Lê Bích V1 vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, do đã có lời khai lưu trong hồ sơ vụ án. Kiểm sát viên, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác đều đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt người làm chứng Lê Bích V1. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét

xử vụ án vắng mặt người làm chứng Lê Bích V1 theo quy định của Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, diễn biến hành vi phạm tội của các bị cáo, lời khai của người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở kết luận:

[3.1] Ngày 10-3-2025, tại nhà của Lê Đức D2 ở số B, đường P, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn, các bị cáo Phương Văn N, Nông Đức D, Trần Cao C1, Lê Đức D2, Nông Văn T2 và Ngô Duy D1 là những người thực hiện hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Ngoài ra, Ngô Duy D1 là người đang cai nghiện. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại Điều 255 Bộ luật Hình sự. Do đó, có đủ căn cứ kết tội các bị cáo Phương Văn N, Nông Đức D, Trần Cao C1, Lê Đức D2, Nông Văn T2 và Ngô Duy D1 phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định của Điều 255 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan, sai. Các bị cáo Phương Văn N, Nông Đức D, Trần Cao C1, Lê Đức D2, Nông Văn T2 phạm tội thuộc trường hợp quy định tại các điểm b, đ khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Ngô Duy D1 phạm tội thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

[3.2] Bị cáo Đàm Minh H3 là người bán trái phép chất ma túy cho Trần Cao C1. Hành vi của bị cáo Đàm Minh H3 đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Do đó, có đủ căn cứ kết tội bị cáo Đàm Minh H3 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định của Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan, sai.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi phạm tội của các bị cáo Phương Văn N, Nông Đức D, Trần Cao C1, Lê Đức D2, Nông Văn T2 và Ngô Duy D1 thuộc trường hợp phạm tội rất nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo Đàm Minh H3 thuộc trường hợp phạm tội nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm quyền độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu cho xã hội, là một trong các nguyên nhân gây phát sinh các tệ nạn xã hội và tội phạm khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có năng lực chịu trách nhiệm hình sự và có đủ năng lực nhận thức hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, hành vi mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật. Nhưng các bị cáo vẫn bất chấp và cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nông Đức D, Ngô Duy D1, Lê Đức D2 và Nông Văn T2 không có. Các bị cáo Phương Văn N,

Trần Cao C1 và Đàm Minh H3 phạm tội thuộc trường hợp tái phạm. Do đó, bị áp dụng tình tiết tăng nặng theo quy định của điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[6.1] Các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo. Do đó, các bị cáo đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6.2] Bị cáo Lê Đức D2 có mẹ là bà Chu Thị L2 được tặng Huy chương chiến công hạng nhì. Bị cáo Nông Đức D có bố là ông Nông Phương L được tặng thưởng nhiều Bằng khen, Giấy khen và gia đình thờ cúng liệt sỹ Vũ Thị C3. Bị cáo Ngô Duy D1 có bố là ông Ngô Văn C2 được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì, Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng nhất, Huân chương chiến sỹ giải phóng hạng ba và mẹ là bà Vi Thị Á được tặng Bằng khen do tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Bị cáo Phương Văn N có ông ngoại là ông Phương Đình L4 được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhất. Bị cáo Nông Văn T2 có bố là ông Nông Văn V được tặng Huy chương vì sự nghiệp xây dựng. Do đó, các bị cáo Lê Đức D2, Nông Đức D, Ngô Duy D1, Phương Văn N và bị cáo Nông Văn T2 được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về nhân thân: Bị cáo Nông Đức D chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo Phương Văn N đã bị kết án, đã được xoá. Bị cáo Trần Cao C1 đã bị kết án, đã được xoá. Bị cáo Ngô Duy D1 đã bị kết án, đã bị xử lý hành chính và đều đã được xoá. Bị cáo Lê Đức D2 đã bị xử lý hành chính, đã được xoá. Bị cáo Nông Văn T2 đã bị kết án, đã được xoá. Bị Đàm Minh H3 đã bị kết án, đã được xoá.

[8] Về tính chất và mức độ tham gia phạm tội của các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm: Các bị cáo Phương Văn N, Nông Đức D, Trần Cao C1, Lê Đức D2, Nông Văn T2 và Ngô Duy D1 phạm tội đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn. Bị cáo Phương Văn N là người khởi xướng việc mua ma túy, góp số tiền 200.000 đồng mua ma túy, chuẩn bị dụng cụ để sử dụng ma túy nên có vai trò chính trong vụ án. Bị cáo Nông Đức D chờ bị cáo Nông Văn T2 đi tìm mua ma túy và đóng góp số tiền 500.000 đồng để mua ma túy nên có vai trò rất tích cực. Bị cáo Trần Cao C1 là người trực tiếp đặt mua ma túy và chuyển tiền mua ma túy cho Đàm Minh H3, nhận ma túy với H3, đưa ma túy cho Ngô Duy D1, chuẩn bị dụng cụ để sử dụng ma túy nên có vai trò tích cực. Bị cáo Ngô Duy D1 là người hỏi mua ma túy, trung gian chuyển tiền mua ma túy, nhận ma túy với Trần Cao C1, chuẩn bị ma túy để sử dụng nên có vai trò tích cực. Bị cáo Lê Đức D2 cho các bị cáo sử dụng nhà của bị cáo để sử dụng trái phép chất ma túy nên có vai trò tích cực. Bị cáo Nông Văn T2 là người khởi xướng đi tìm mua ma túy nên có vai trò tích cực. Ngoài ra, các bị cáo Phương Văn N, Trần Cao C1 có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do đó, các bị cáo Phương Văn N, Trần Cao C1 phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn các bị cáo Nông Đức D, Lê Đức D2, Nông Văn T2 và Ngô Duy D1.

[9] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại cơ sở giam giữ mới đảm bảo tính nghiêm minh, răn đe đối với các bị cáo cũng như phòng ngừa chung cho xã hội.

[10] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều là người nghiện chất ma túy và không có tài sản. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[11] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

[11.1] Đối với chất ma túy là vật cấm tàng trữ, lưu hành và 01 (một) phong bì thư, 01 (một) lọ nhựa không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

[11.2] Tịch thu, hoá giá nộp vào ngân sách Nhà nước đối với những chiếc điện thoại thu giữ được các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, gồm: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng thu giữ của bị cáo Phương Văn N. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xanh thu giữ của bị cáo Nông Đức D. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen thu giữ của bị cáo Trần Cao C1. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu đen thu giữ của bị cáo Ngô Duy D1. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SamSung màu đen thu giữ của bị cáo Nông Văn T2. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu xanh thu giữ của bị cáo Đàm Minh H3.

[11.3] Đối với chiếc điện thoại thu giữ của bị cáo Lê Đức D2 do không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo. Đối với các Căn cước công dân thu giữ của các bị cáo Phương Văn N, Nông Đức D là giấy tờ tùy thân nên cần trả lại cho các bị cáo.

[11.4] Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA JUPITER GP, màu xanh đen, biển kiểm soát 12P1-259.14 đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra trả lại cho chị Đặng Thị T1 là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[12] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[13] Đối với hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy MDMA-4en-PINACA của Trần Cao C1 không phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Do Trần Cao C1 không có tiền án, tiền sự về hành vi có liên quan đến ma túy, lượng ma túy tàng trữ chưa đủ định lượng để xử lý hình sự. Do đó, Trần Cao C1 bị xử phạt hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là đúng quy định. Ngoài ra, ngày 17-3-2025, Trần Cao C1 bị xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy vào ngày 16-02-2025.

[14] Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo Ngô Duy D1: Ngô Duy D1 đang điều trị nghiện các dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế methadone. Tuy nhiên, hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Ngô Duy D1 xảy ra trước ngày 01-7-2025, nên không phạm tội sử dụng trái phép chất ma túy.

[15] Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Nông T: Nông T sử dụng trái phép chất ma túy nhưng không thực hiện thêm hành vi nào khác nên không phạm tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Ngoài ra, hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Nông Thanh Tú xảy ra trước ngày 01-7-2025, nên không phạm tội sử dụng trái phép chất ma túy.

[16] Đối với Lê Bích V1: Do Cơ quan điều tra đã tách hành vi phạm tội để xử lý trong vụ án khác. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, xử lý trong vụ án này.

[17] Đối với ông Nông Phương L, bà Hoàng Thị D6: Do hành vi của những người này không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, xử lý trong vụ án này.

[18] Ý kiến của các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[19] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo Đàm Minh H3 và điều luật áp dụng, tội danh, hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí đối với các bị cáo Phương Văn N, Nông Đức D, Trần Cao C1, Lê Đức D2, Nông Văn T2 và Ngô Duy D1 là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với ý kiến về mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo Phương Văn N, Nông Đức D, Trần Cao C1, Lê Đức D2, Nông Văn T2 và Ngô Duy D1 là chưa phù hợp với tính chất phạm tội của các bị cáo nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[20] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điểm b, đ khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 50, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phương Văn N.

Căn cứ vào các điểm b, đ khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 50, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Cao C1.

Căn cứ vào các điểm b, đ khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 50, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nông Đức D, Lê Đức D2 và Nông Văn T2.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 50, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Ngô Duy D1.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 50 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đàm Minh H3.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2, điểm a khoản

3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, nộp, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 293, Điều 331, Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Về tội danh:

1.1. Tuyên bố các bị cáo Phương Văn N, Trần Cao C1, Nông Đức D, Lê Đức D2, Nông Văn T2 và Ngô Duy D1 phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

1.2. Tuyên bố bị cáo Đàm Minh H3 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Phương Văn N 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 19 tháng 3 năm 2025.

2.2. Xử phạt bị cáo Trần Cao C1 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 13 tháng 3 năm 2025.

2.3. Xử phạt bị cáo Nông Đức D 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 14 tháng 3 năm 2025.

2.4. Xử phạt bị cáo Lê Đức D2 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 13 tháng 3 năm 2025.

2.5. Xử phạt bị cáo Nông Văn T2 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giam là ngày 06 tháng 06 năm 2025.

2.6. Xử phạt bị cáo Ngô Duy D1 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 13 tháng 3 năm 2025.

2.7. Xử phạt bị cáo Đàm Minh H3 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 13 tháng 3 năm 2025.

3. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Phương Văn N, Trần Cao C1, Nông Đức D, Lê Đức D2, Nông Văn T2, Ngô Duy D1 và Đàm Minh H3.

4. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

4.1. Tịch thu tiêu huỷ đối với: 01 (một) phong bì thư, lọ nhựa dạng thuốc nhỏ mắt bên trong có chất ma túy MDMA-4en-PINACA, thể tích 3,5mL.

4.2. Tịch thu hoá giá nộp vào ngân sách nhà nước đối với: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu đen, số IMEI: 356721081055452, máy cũ đã qua sử dụng (màn hình sau bị vỡ). 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu đen, số IMEI: 869571059208330, máy cũ đã qua sử dụng. 01 (một) điện thoại di động hiệu SAM SUNG màu đen, số IMEI: 350588934587049/01, máy cũ đã qua sử dụng (màn hình bị vỡ). 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu

xanh, đen, số IMEI: 866967042225519, máy cũ đã qua sử dụng (màn hình bị vỡ). 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng, đen, số IMEI: 354848093670812, máy cũ đã qua sử dụng. 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu xanh, đen số IMEI: 351852853040383, máy cũ đã qua sử dụng.

4.3. Trả lại cho bị cáo Lê Đức D2 01 (một) điện thoại di động hiệu SAM SUNG Galaxy màu đen, số IMEI: 355263112601245/01, bên trong có sim điện thoại Viettel có in các số 8984048000063135584 máy cũ đã qua sử dụng.

4.4. Trả lại cho bị cáo Phương Văn Nguyễn Căn C4 công dân mang tên Phương Văn N. Trả lại cho bị cáo Nông Đức D Căn cước công dân mang tên Nông Đức D.

(Vật chứng trên được ghi chi tiết tại Biên bản giao, nhận đồ vật, vật chứng ngày 25-11-2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L và Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1, tỉnh Lạng Sơn).

4.5. Truy thu số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) do bị cáo Đàm Minh H3 bán ma túy mà có, nộp vào ngân sách Nhà nước.

5. Về án phí: Các bị cáo Phương Văn N, Trần Cao C1, Nông Đức D, Lê Đức D2, Nông Văn T2, Ngô Duy D1 và Đàm Minh H3 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm, nộp vào ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn.
- Cơ quan điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng PV06 - Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND Khu vực 1 - Lạng Sơn;
- Phòng THADS Khu vực 1 - Lạng Sơn;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hứa Văn Nghiệp